

Bản án số: 222/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu.
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 661/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phước Q**, sinh năm: 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: D2/36 ấp 24, xã HL, Thành phố H.
CCCD số: 079082005078 cấp ngày 18/9/2022.
Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1982. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).
Địa chỉ: D2/36 ấp 24, xã HL, Thành phố H.
CCCD số: 079182038610 cấp ngày 10/8/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 16/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước Q trình bày:

Ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2003 do Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh (nay là xã Hưng Long), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2003. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Từ năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Quy yêu cầu ly hôn với bà Hương.

Về con chung: Ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H chung sống với nhau có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hương Thảo; (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/02/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trần Anh Thư; (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2017. Sau khi ly hôn, ông Quy đồng ý giao trẻ Nguyễn Trần Anh Thư cho bà Hương được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Phước Q yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Phước Q xác nhận không có.

Ngoài ra ông Quy không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ghi ngày 13/11/2025 và tại biên bản hoà giải ngày 19/11/2025, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Hương Hương xác nhận, bà Hương và ông Nguyễn Phước Q có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2003 do Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh (nay là xã Hưng Long), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2003.

Nay ông Quy yêu cầu ly hôn thì bà Hương không đồng ý ly hôn với ông Quy. Bà Hương xác định hiện nay ông Quy muốn đi đâu thì đi, muốn về thì về, bà Hương không có ý kiến gì cả.

Bà Trần Hương Hương xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử do bà Hương không có thời gian vì bà Hương phải lo buôn bán và chăm sóc cha mẹ già và con nhỏ.

Về con chung: Bà Trần Hương Hương xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hương Thảo; (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/02/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trần Anh Thư; (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2017. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bà Hương yêu cầu chăm sóc 02 con chung là trẻ Thảo và trẻ Thư và bà Hương không yêu cầu ông Quy cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xác nhận để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị H xác nhận không có.

Ngoài ra bà Hương không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Phước Q nộp đơn xin ly hôn với bà Trần Thị H tại Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị H có nơi cư trú tại D2/36 ấp 24, xã HL, Thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Phước Q và bị đơn bà Trần Thị H có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Quy và bà Hương theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2003 do Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh (nay là xã Hưng Long), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2003 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Quy xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Quy yêu cầu được ly hôn với bà Hương để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của ông Quy hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông Quy thì quan hệ vợ chồng của ông Quy và bà Hương đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm

chăm sóc nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Quy và bà Hương là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tuy bà Hương không đồng ý ly hôn với ông Quy nhưng bà Hương vẫn không đưa ra được phương án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án bà Hương xác định hiện nay ông Quy muốn đi đâu thì đi, muốn về thì về, bà Hương không có ý kiến gì cả và bà Trần Hương Hương xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ý chí của bà Hương không muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Quy đối với bà Hương.

[4] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Hương Hương cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Hương Thảo; (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/02/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Trần Anh Thư; (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2017. Do ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Hương Hương cùng thống nhất nếu ly hôn thì bà Trần Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Trần Anh Thư; (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2017. Mặt khác, Toà án đã thực hiện việc ghi nhận ý kiến của trẻ Thư và trẻ Thư có nguyện vọng muốn ở chung với bà Hương. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thư, do bà Hương không yêu cầu ông Quy thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thư nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thư đối với ông Quy cho đến khi bà Hương có yêu cầu.

Đối với Nguyễn Trần Hương Thảo; (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/02/2004, do hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H xác nhận để tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Do ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Phước Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phước Q đối với bà Trần Thị H.

Ông Nguyễn Phước Q được ly hôn với bà Trần Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2003 do Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh (nay là xã Hưng Long), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2003 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Trần Anh Thư; (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2017 cho bà Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thư đối với ông Quy cho đến khi bà Hương có yêu cầu.

Đối với Nguyễn Trần Hương Thảo; (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/02/2004, do hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Phước Q có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Do ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H xác nhận để tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Do ông Nguyễn Phước Q và bà Trần Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Phước Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Quy đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0026948 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Quy đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS Khu vực 10, TPHCM;
- THADS, TPHCM;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Nguyễn Trọng Hưng